

THANH TRA CHÍNH PHỦ**THANH TRA CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2014/TT-TTCP

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định về nhận định tình hình tham nhũng
và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng**

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 01/2007/QH12 và Luật số 27/2012/QH13;

Căn cứ Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 09/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chống tham nhũng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư quy định về nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng; trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

Điều 3. Nguyên tắc nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

1. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, tuân thủ chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng và các lĩnh vực quản lý khác có liên quan.

2. Bảo đảm tính khách quan, toàn diện, trung thực, công khai, minh bạch trong việc nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

3. Phát huy vai trò, trách nhiệm, sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

4. Kết quả và các thông tin, dữ liệu có liên quan đến việc nhận định tình hình tham nhũng, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng phải được công khai, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm sự kết hợp giữa kết quả tự nhận định, đánh giá của cơ quan nhà nước với cảm nhận, trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức về tình hình tham nhũng và công tác phòng, chống tham nhũng.

6. Kết quả nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng chống tham nhũng có giá trị tham khảo nhằm phân tích, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng; không mang tính chất phân loại, xếp hạng giữa các bộ, ngành, địa phương.

Điều 4. Thu thập thông tin, dữ liệu và báo cáo kết quả nhận định về tình hình tham nhũng, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

1. Việc thu thập thông tin, dữ liệu và báo cáo kết quả nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng thực hiện theo chế độ thông tin, báo cáo được quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-TTCP ngày 10/6/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

2. Ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này, trong quá trình nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng hàng năm, các bộ, ngành, địa phương triển khai thu thập thông tin, dữ liệu thông qua khảo sát cảm nhận, trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức bằng phương pháp điều tra xã hội học, phỏng vấn trực tiếp hoặc các hình thức khảo sát trực tuyến khác.

3. Thời kỳ lấy số liệu báo cáo được tính từ ngày 16/12 năm trước đến 15/12 của năm báo cáo. Căn cứ vào báo cáo nhận định tình hình tham nhũng, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng của bộ, ngành, địa phương, Thanh tra Chính phủ tổng hợp, nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống

tham nhũng trên phạm vi toàn quốc. Trong trường hợp cần thiết, Thanh tra Chính phủ quyết định tiến hành khảo sát với quy mô, đối tượng và nội dung phù hợp nhằm thu thập thêm thông tin, dữ liệu kiểm chứng.

Chương II

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH THAM NHŨNG

Điều 5. Nội dung về nhận định tình hình tham nhũng

1. Việc nhận định tình hình tham nhũng được thực hiện theo các nội dung cụ thể sau đây:

- a) Mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng;
- b) Mức độ thiệt hại kinh tế do tham nhũng;
- c) Mức độ nghiêm trọng của hành vi tham nhũng.

2. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều này, các bộ, ngành, địa phương có thể bổ sung hoặc cụ thể hóa các nội dung về nhận định tình hình tham nhũng cho phù hợp với yêu cầu của công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi ngành, lĩnh vực hoặc địa phương.

Điều 6. Phương pháp nhận định tình hình tham nhũng

1. Các bộ, ngành, địa phương tự nhận định tình hình tham nhũng theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này căn cứ vào tổng điểm của các điểm thành phần và được tính theo thang điểm 100, cụ thể như sau:

a) Điểm thành phần 1 được tính tối đa là 30 điểm và tối thiểu là 0 điểm căn cứ vào các số liệu thống kê được tổng hợp theo ngành, lĩnh vực, địa phương theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 7, Điểm a Khoản 3 Điều 8 và Điểm a Khoản 3 Điều 9 Thông tư này;

b) Điểm thành phần 2 được tính tối đa là 40 điểm và tối thiểu là 0 điểm căn cứ vào kết quả khảo sát cảm nhận, trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 7, Điểm b Khoản 3 Điều 8 và Điểm b Khoản 3 Điều 9 Thông tư này;

c) Điểm tổng hợp được tính như sau:

Điểm tổng hợp = (2) x Điểm thành phần 1 + (1) x Điểm thành phần 2.

Ví dụ: Nếu qua tổng hợp số liệu thống kê cho thấy, điểm thành phần 1 là 20 điểm và điểm thành phần 2 là 30, thì điểm tổng hợp sẽ là: $2 \times 20 + 1 \times 30 = 70$.

2. Căn cứ vào số điểm tổng hợp, các bộ, ngành, địa phương tự nhận định về tình hình tham nhũng theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này với các cấp độ cụ thể sau:

a) Về mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng:

- Rất phổ biến;
- Phổ biến;
- Ít phổ biến;
- Không phổ biến.

b) Về mức độ thiệt hại kinh tế do tham nhũng

- Thiệt hại rất lớn;
- Thiệt hại lớn;
- Thiệt hại trung bình;
- Thiệt hại thấp;
- Không thiệt hại.

c) Về mức độ nghiêm trọng của hành vi tham nhũng:

- Đặc biệt nghiêm trọng;
- Rất nghiêm trọng;
- Nghiêm trọng;
- Ít nghiêm trọng;
- Không nghiêm trọng.

3. Hàng năm, các bộ, ngành, địa phương gửi kết quả tự nhận định tình hình tham nhũng và các thông tin, dữ liệu có liên quan cho Thanh tra Chính phủ để phục vụ công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng.

Điều 7. Mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng

1. Mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng phản ánh tần suất xảy ra hành vi tham nhũng trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc, được đo lường bằng số vụ việc có hành vi tham nhũng được phát hiện, xử lý bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cảm nhận, trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức.

2. Số vụ việc có hành vi tham nhũng được phát hiện, xử lý bởi cơ quan nhà nước là tổng số các vụ việc được kết luận là có hành vi tham nhũng thông qua công tác quản lý nhà nước, hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử theo quy định của pháp luật được tổng hợp theo ngành, lĩnh vực, địa phương và tổng hợp trên phạm vi toàn quốc.

3. Việc tính điểm và xác định mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng được thực hiện như sau:

a) Điểm thành phần 1 được xác định căn cứ vào số vụ việc có hành vi tham nhũng được kết luận thông qua công tác quản lý nhà nước, hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử.

- Có từ 10 vụ việc trở lên: 30 (điểm);
- Có từ 05 đến 09 vụ việc: 20 (điểm);
- Có từ 01 đến 04 vụ việc: 10 (điểm);
- Không có vụ việc nào: 0 (điểm).

b) Điểm thành phần 2 được xác định căn cứ vào cảm nhận, trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức về mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng.

- Mức độ rất phổ biến: 40 (điểm);
- Mức độ phổ biến: 30 (điểm);
- Mức độ ít phổ biến: 20 (điểm);
- Mức độ không phổ biến: 0 (điểm).

c) Việc xác định và nhận định mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng:

- Điểm tổng hợp trên 70 (điểm) đến 100 (điểm) tương ứng với mức “Rất phổ biến”;
- Điểm tổng hợp trên 40 (điểm) đến 70 (điểm) tương ứng với mức “Phổ biến”;
- Điểm tổng hợp trên 0 (điểm) đến 40 (điểm) tương ứng với mức “Ít phổ biến”;
- Điểm tổng hợp bằng 0 (điểm) tương ứng với mức “Không phổ biến”.

Ví dụ: Nếu một tỉnh có 10 vụ việc được kết luận là có hành vi tham nhũng và kết quả khảo sát cảm nhận, trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức về mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng là rất phổ biến, thì các điểm thành phần và điểm tổng hợp như sau: điểm thành phần 1: 30 (điểm); điểm thành phần 2: 40 (điểm) và điểm tổng hợp sẽ là: $2 \times 30 + 1 \times 40 = 100$ (điểm); do vậy, nhận định tình hình là: hành vi tham nhũng “Rất phổ biến”.

Điều 8. Mức độ thiệt hại kinh tế do tham nhũng

1. Mức độ thiệt hại kinh tế do tham nhũng là giá trị sai phạm do hành vi tham nhũng gây ra đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận và ra quyết định thu hồi hoặc xử lý về kinh tế trong các vụ việc có hành vi tham nhũng và cảm nhận, trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức. Trường hợp thiệt hại kinh tế do tham nhũng không phải là tiền hoặc các giấy tờ có giá, thì phải được quy thành tiền Việt Nam theo giá thị trường của vật tương đương hoặc theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm nhận định để tổng hợp chung.

2. Giá trị sai phạm do hành vi tham nhũng gây ra đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận và ra quyết định thu hồi hoặc xử lý về kinh tế trong các vụ việc có hành vi tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử, giám sát và giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật được xác định, tổng hợp theo ngành, lĩnh vực, địa phương và tổng hợp trên phạm vi toàn quốc.